

WEEK 12

UNIT : AFTER SCHOOL

A. What do you do ?

Period 34: A3(p.62)

I./VOCABULARY:

1.	sporty (adj)	thích thể thao
2.	president (n)	chủ tịch
3.	anniversary (n) → anniversary celebration	Ngày/lễ kỷ niệm hoạt động nhân dịp lễ kỷ niệm
4.	celebrate (v) → celebration (n)	cử hành/làm lễ kỷ niệm sự tổ chức ăn mừng
5.	collect (v) → collector (n) → collection	thu thập, sưu tập người thu thập sự thu thập
6.	rehearse a play (v)	diễn tập (vở kịch)
7.	theater group = drama group (n):	đội kịch
8.	lie (v)	nằm

II./REMEMBER

Reply to the suggestions (đáp lại lời đề nghị)

Let's play some computer game

→ Good idea

→ Great

EXERCISES

Prepositions

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">1. <u>collection of</u> : bộ sưu tập ...2. rehearse ... <u>for</u> : diễn tập cho ...3. a member of: thành viên của ... |
|--|

1. He has a fine _____ of stamps.(pastime / collection / activity / house)
2. Nam is not very _____.He never plays any sports.
(sportive/ sportsmanlike /sporty/ sport_loving)
3. Would you like _____ dinner with my family?(have / has / having / to have)
- 4.They _____ a play for the school anniversary celebration at the moment.
(rehearse / are rehearsing / to rehearse / will rehearse)
5. Some young people work _____ hospital volunteers (too/ so /same/ as)

Phương pháp học:

- Từ vựng: Các em học từ vựng và word form bằng cách đọc nó nhiều lần và viết ra giấy nháp nhiều lần từ tiếng anh và nghĩa tiếng việt cho đến khi nào thuộc. Nếu quên cách đọc hoặc không biết đọc từ đó thì tra từ điển hoặc trên google dịch.
- Cấu trúc câu: tự học c, đọc nhiều lần cho thuộc và làm bài tập.